Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6814.10.00

Mã HS	6814.10.00
Mô tả hàng hóa	Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác / - Tấm, tấm mỏng và dải bằng mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 13:34:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68141000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10264
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10264
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10264
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9768
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9719
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9719
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9719
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9719
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9719
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9719
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9771
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9771

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9771
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9771
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9771
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9771
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9772
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9772
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9772
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9772
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9772
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9772
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9773
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9725
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9731
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9731
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9731
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9731
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9731
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9731
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9756
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9756
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9756
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9756
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9756
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9756
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9803
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9803

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9803
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9803
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9803
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9803
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9782
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9782
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9782
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9782
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9782
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9782
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9794
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9794
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9794
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9794
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9794
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9794
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D9805
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E9805
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F9805
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9805
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9805
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9805
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D9804
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E9804
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F9804
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9804

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9804
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9804
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9751
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9751
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9751
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9751
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9751
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9751
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9751
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9788
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9788
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9788
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9788
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9788
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9788
RCEP B	2022	2022	0	B!D9788
RCEP B	2023	2023	0	B!E9788
RCEP B	2024	2024	0	B!F9788
RCEP B	2025	2025	0	B!G9788
RCEP B	2026	2026	0	B!H9788
RCEP B	2027	2027	0	B!I9788
RCEP C	2022	2022	0	C!D9788
RCEP C	2023	2023	0	C!E9788
RCEP C	2024	2024	0	C!F9788
RCEP C	2025	2025	0	C!G9788
RCEP C	2026	2026	0	C!H9788

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9788
RCEP D	2022	2022	0	D!D9787
RCEP D	2023	2023	0	D!E9787
RCEP D	2024	2024	0	D!F9787
RCEP D	2025	2025	0	D!G9787
RCEP D	2026	2026	0	D!H9787
RCEP D	2027	2027	0	D!I9787
RCEP E	2022	2022	0	E!D9791
RCEP E	2023	2023	0	E!E9791
RCEP E	2024	2024	0	E!F9791
RCEP E	2025	2025	0	E!G9791
RCEP E	2026	2026	0	E!H9791
RCEP E	2027	2027	0	E!I9791
RCEP F	2022	2022	0	F!D9788
RCEP F	2023	2023	0	F!E9788
RCEP F	2024	2024	0	F!F9788
RCEP F	2025	2025	0	F!G9788
RCEP F	2026	2026	0	F!H9788
RCEP F	2027	2027	0	F!I9788
VIFTA	2024	2024	6,7	VI!F9054
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G9054
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9054
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9054

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6814.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 6814.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10264), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.